

Từ khi Luật đầu tư nước ngoài được ban hành ở Việt Nam, đã có rất nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến hoàn toàn ủng hộ, vì cho rằng Việt Nam muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ xuất phát điểm là nền kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ, manh mún, lạc hậu thì việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là một tất yếu. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng, cho phép tư bản nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam là đi ngược lại mục tiêu ban đầu, xóa bỏ thành quả của mấy mươi năm chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội. Và cũng có ý kiến khác cho rằng nên trung hòa cả hai ý kiến trên, tức là : để xây dựng chủ nghĩa xã hội, có thể thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhưng cần kiểm soát thật chặt chẽ để tránh sự bóc lột, áp bức của các ông chủ nước ngoài đối với người lao động Việt Nam. Đặc biệt, từ khi có những vụ xâm phạm về quyền lợi của người lao động xảy ra ở một vài doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thì những tư tưởng bài xích đối với nhà đầu tư nước ngoài lại càng nhiều hơn.

Tình hình này đặt ra một vấn đề hết sức bức thiết là phải tiếp tục nghiên cứu để bổ sung hoàn thiện cơ sở lý luận của việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở nhiều góc độ khác nhau. Nổi bật là các vấn đề: chấp nhận cho tư bản nước ngoài hoạt động trực tiếp trên đất nước Việt Nam có phải là từ bỏ mục tiêu độc lập dân tộc không? Thế nào là mô hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài song song với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH)? Có mâu thuẫn giữa việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với mục tiêu xây dựng CNXH không?

Để giải quyết các vấn đề này

MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC CỦA LÊ NIN VÀ VIỆC VẬN DỤNG VÀO THỰC TIỄN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

TRẦN NGUYỄN NGỌC ANH THU

chúng ta hãy quay về với các nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx-Lênin.

Marx và Engels đã vạch ra ra con đường đi lên CNXH, xóa bỏ chế độ tư hữu trên cơ sở phân tích sự vận động của các hình thái kinh tế - xã hội. Hai ông đã khẳng định: cách mạng vô sản xóa bỏ chế độ tư hữu là một tất yếu nảy sinh do mâu thuẫn giữa trình độ xã hội hóa và tập trung hóa cao độ của lực lượng sản xuất với chế độ sở hữu tư nhân của chủ nghĩa tư bản (CNTB). Như vậy Marx và Engels đã chỉ rõ con đường tiến lên CNXH từ CNTB, với đội ngũ lao động lành nghề, đội ngũ quản lý thành thạo biết cách sắp đặt tổ chức sản xuất qui mô lớn, và công nghệ tiên tiến, xây dựng trên cơ sở những thành tựu mới nhất của khoa học - kỹ thuật hiện đại.

Tuy nhiên, trong thực tế lịch sử, cách mạng vô sản không diễn ra như thế, mà lại xảy ra ở những quốc gia còn tồn tại nền sản xuất nông nghiệp

lạc hậu, manh mún. Do đó, sau Cách mạng tháng 10, việc xác định một con đường để đi lên CNXH không qua giai đoạn phát triển TBCN là một vấn đề bức xúc đặt ra.

Trước tình hình đó, tư tưởng của Lênin về chủ nghĩa tư bản nhà nước (CNTBNN) kiểu mới, trong điều kiện Đảng của giai cấp công nhân cầm quyền ra đời - thực sự đã là một cứu cánh cho các quốc gia muốn tiến lên CNXH từ sản xuất tiểu nông.

Xét về bản chất của Nhà nước, hình thức kinh tế CNTBNN có hai loại : CNTBNN ở các nước tư bản, và CNTBNN ở các nước trong giai đoạn quá độ tiến lên CNXH. Loại thứ hai là mô hình của Lênin.

Lênin chỉ rõ: “ Chế độ TBCN khác với các chế độ kinh tế tiền TBCN ở chỗ đã thiết lập được một sự liên hệ, một mối quan hệ lẫn nhau rất phức tạp chặt chẽ giữa các ngành kinh tế là biện pháp về mặt kỹ thuật để tiến tới CNXH” (1)

Sự ra đời và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần sau cách mạng vô sản đã diễn ra như một tất yếu kinh tế với sức mạnh kinh tế hồi sinh sau chiến tranh. Trong đó những người tư hữu nhỏ chiếm ưu thế. Mà “ khi không có kỹ thuật TBCN quy mô lớn, xây dựng trên những phát minh mới nhất của khoa học hiện đại” đồng thời “ không có một tổ chức nhà nước với sự thống trị của giai cấp vô sản thì không thể nói đến CNXH được ” (2) “ Bởi vì CNXH là giai đoạn tiếp liền sau chế độ độc quyền TBCN của Nhà nước CNTB độc quyền nhà nước là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất của CNXH” (2). Vì vậy để tránh khỏi sự phát triển tự phát của những người tư hữu nhỏ (tức tiểu tư sản), để có được kỹ thuật TBCN với quy mô lớn, để xác lập được mối quan hệ kinh tế chặt chẽ giữa các ngành làm phương



tiện đi lên CNXH mà không qua giai đoạn phát triển TBCN, chỉ có một con đường duy nhất, đó là : chấp nhận CNTBNN dưới sự điều tiết của nhà nước của toàn dân. Khi các nhà tư bản nước ngoài vào đầu tư họ sẽ mang theo bí quyết, công nghệ sản xuất, cách thức tổ chức, quản lý sản xuất qui mô lớn là cái mà chúng ta rất cần. "CNTB nhà nước là một bước tiến to lớn, vì giành lấy khoa học là một việc làm đáng giá, vì điều đó có ích cho công nhân.... đưa chúng ta đến CNXH bằng con đường chắc chắn nhất, và chừng nào giai cấp công nhân biết cách sắp đặt tổ chức sản xuất qui mô lớn, nắm được khoa học tiên tiến ... thì tất cả những con bài chủ đều nằm trong tay công nhân và bảo đảm cho CNXH được củng cố" (1).

Khi nói về các hình thức của CNTBNN, Lênin đã nêu lên chế độ tô nhượng. Trong hình thức tô nhượng nhà nước XHCN sẽ ký hợp đồng với nhà tư bản, cho phép họ được sử dụng nguyên liệu, hầm mỏ, quặng, công xưởng để tiến hành sản xuất kinh doanh với số tư bản của họ. Bằng cách đó, họ sẽ thu được : lợi nhuận thường, lợi nhuận siêu ngạch, hoặc được sử dụng nguyên liệu quý hiếm. Đồng thời, nhờ đó sản lượng trong nước sẽ gia tăng, các lực lượng sản xuất phát triển nhờ tiếp thu được công nghệ tiên tiến do nhà tư bản chuyển giao, tăng cường đại sản xuất trên quy mô cả nước, và các mối quan hệ kinh tế do nhà nước quy định. Vì vậy, "áp dụng chính sách tô nhượng một cách chừng mực và khôn khéo thì nhất định có lợi" (3) đối với nước nhà. Tuy nhiên, Lênin cũng chỉ rõ, chấp nhận tô nhượng là tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới một hình thức khác, và thực tiễn sẽ chỉ rõ phương pháp đấu tranh (4). Điều đó có nghĩa, để có thể xây dựng CNXH, không thể có sự thỏa hiệp giai cấp.

Nói tóm lại, chế độ tô nhượng có một số đặc điểm như :

- Chế độ tô nhượng dựa trên cơ sở đại công nghiệp cơ khí hóa. Đối tượng thi hành chính sách tô nhượng là các xí nghiệp có kỹ thuật hiện đại.

- Hợp đồng tô nhượng được ký kết giữa nhà nước của giai cấp công nhân với một nhà tư bản, hoặc một công ty, hoặc vài công ty. Nội dung của hợp đồng tô nhượng phải rõ ràng, và có thời hạn được xác định.

- Nhà nước phải giám sát người tô nhượng, định hướng sao cho đúng với mục tiêu ban đầu của nhà nước XHCN.

Ngoài hình thức tô nhượng kể trên, Lênin cũng nêu lên một số hình thức khác của CNTBNN như chế độ hợp tác kinh tế, chính sách thuê nhà tư bản như một thương nhân, trả cho họ một số tiền hoa hồng để họ bán

sản phẩm của nhà nước và mua sản phẩm của người sản xuất nhỏ. Hoặc nhà nước có thể ký hợp đồng cho nhà tư bản thuê một xí nghiệp, một cửa hàng, một khu rừng, một khu đất

Như vậy, hình thức CNTBNN thì có nhiều. Vấn đề là phải có cơ chế, chính sách, môi trường đầu tư hấp dẫn, thuận lợi, mới có thể thu hút được các nhà tư bản nước ngoài.

Trước thực trạng phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, mà trong đó, với tư cách hệ thống kinh tế mới về chất, các thành phần kinh tế không tồn tại biệt lập, đối lập như hai phía trong cuộc đấu tranh một mất một còn, mà ngược lại, ngày càng mở rộng liên kết, liên doanh hợp tác, đồng thời có thể đấu tranh phát triển. Nền kinh tế ấy tất yếu tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa dưới sự kiểm soát, định hướng của nhà nước, của giai cấp vô sản. Chính sự có mặt của nhà tư bản nước ngoài sẽ là một nhân tố tác động để quá trình đấu tranh phát triển diễn ra nhanh chóng hơn, thuận lợi hơn với cơ sở vật chất kỹ thuật vững chắc. Hay nói cách khác, đây chính là sự kết hợp của hai mặt đối lập.

Đó là con đường tất yếu, theo đúng qui luật để tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển TBCN mà Lênin đã phát hiện và khởi xướng. Và sẽ không quá đáng khi nhận định rằng : tư tưởng về CNTBNN là đóng góp đặc sắc nhất trong học thuyết của Lênin về mô hình tiến lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN.

Quan điểm về CNTBNN của Lênin có giá trị rất lớn vì nó phù hợp với qui luật phát triển của các nước đang phát triển và phù hợp với quyền lợi của mọi dân tộc và các tầng lớp nhân dân. Ngay từ năm 1949 Hồ Chủ tịch đã hoan nghênh các nhà tư bản nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Trong một lần trả lời các nhà báo nước ngoài, Bác đã khẳng định : "Bất cứ nước nào (gồm cả nước Pháp) thật thà muốn đưa tư bản đến kinh doanh ở Việt Nam với mục đích làm lợi cho cả hai bên, thì Việt Nam sẽ rất hoan nghênh" (7).

Câu trả lời ngắn gọn, nhưng đã thể hiện rõ quan điểm tư tưởng của Bác về việc vận dụng học thuyết CNTBNN của Lênin trong thực tiễn xây dựng CNXH ở Việt Nam. Chính sách mở cửa của Bác theo nguyên tắc thật rõ ràng : cả hai bên (bên nước ngoài đầu tư, và bên Việt Nam) cùng có lợi.

Trong điều kiện hiện nay, tư tưởng của Lênin, của Bác về CNTBNN càng có ý nghĩa thời sự nóng bỏng, chúng ta có thể xác định đó là phương châm chỉ đạo chiến lược để Đảng - Nhà nước - và nhân dân

cùng nhau thiết kế con đường xây dựng CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển CNTB.

Ở nước ta, qua 10 năm thực hiện Luật đầu tư trực tiếp nước ngoài, CNTBNN càng được khẳng định giá trị về mặt thực tiễn vì với việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nền kinh tế Việt Nam đã đạt được sự tăng trưởng rõ rệt : sản lượng quốc nội gia tăng, thu nhập bình quân cũng tăng, tạo công ăn việc làm... đối mới bộ mặt của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đó, cũng xuất hiện một số vấn đề như : đã có một số trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có ý trốn thuế, có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam, hoặc đã có cách xử sự thiếu văn hóa, hay xuất hiện tư tưởng văn hóa đôi truy, lối sống xa hoa truy lạc, xa lạ với bản sắc văn hóa dân tộc mà Lênin đã gọi là " học phí " phải trả khi chấp nhận CNTBNN qua hình thức tô nhượng. Nhưng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Nhà nước XHCN Việt Nam đã luôn có những biện pháp điều tiết tích cực để đảm bảo quyền lợi của Việt Nam, cũng như lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài mà " học phí " phải trả không quá cao.

Tính đúng đắn, khoa học, phù hợp qui luật, phù hợp thực tiễn đó của việc vận dụng CNTBNN ở Việt Nam đã được chứng minh trong mười năm qua, bằng những thành tựu vượt bậc về kinh tế - xã hội.

Tóm lại, nhìn lại tư tưởng Lênin và quan điểm của Hồ Chủ tịch, chúng ta nhận thức sâu sắc vấn đề : để có thể tiến lên CNXH, không qua giai đoạn phát triển TBCN, một quốc gia tất yếu phải mở cửa kinh tế, hợp tác với nhà tư bản nước ngoài, dưới sự giám sát, định hướng bằng pháp luật của Nhà nước của giai cấp vô sản. Đó chính là công cụ, là phương tiện để đạt được mục đích của nhà nước XHCN. Tuy nhiên, cũng phải xác định rõ, không có mô hình chuẩn cho mọi quốc gia, mà mỗi quốc gia trên con đường xây dựng CNXH của mình, phải căn cứ vào điều kiện chính trị - kinh tế - xã hội cụ thể để hoạch định chính sách vĩ mô, điều tiết cho thích hợp, để có thể đảm bảo mục tiêu ban đầu, đồng thời giảm bớt " học phí " phải trả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) *Lênin toàn tập*, tập 27
- (2) *Lênin toàn tập*, tập 25
- (3) *Lênin toàn tập*, tập 32
- (4) *Lênin toàn tập*, tập 33
- (5) *CNXH cũng có thể áp dụng trong kinh tế thị trường* - NXB chính trị Quốc gia - Hà Nội - 1996
- (6) *Tạp chí Cộng sản* số 4, 7, 11 năm 1996
- (7) *Tạp chí Quan hệ Quốc tế : Mở cửa vì sự phồn thịnh* - 1995